

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề	: Dược
Mã ngành, nghề	: 5720201
Trình độ đào tạo	: Trung cấp
Hình thức đào tạo	: Liên thông chính quy (văn bằng 2)
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp Trung cấp (ngoài nhóm ngành sức khỏe)
Thời gian đào tạo	: 15 tháng

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo người Dược sĩ trung cấp có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng của người bệnh, có đủ sức khỏe, kiến thức kỹ năng đảm nhiệm công tác tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt;
- Có khả năng tự học hỏi vươn lên nâng cao trình độ chuyên môn góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Có tư duy, tầm nhìn và năng lực sáng tạo; có khả năng hội nhập tốt thuộc hệ thống ngành dược, không ngừng học tập để nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

- Vận dụng các kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học, dược lý học, các nhóm thuốc và sử dụng thuốc để hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và có hiệu quả.
- Trình bày thành phần hóa học chính và hàm lượng, bộ phận dùng, công dụng, liều dùng của một số cây thuốc và vị thuốc thông thường.
- Trình bày nội dung quy trình kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc thông thường, các dược liệu thông thường ,
- Áp dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ, hóa phân tích, bào chế để xây dựng quy trình pha chế một số thuốc thông thường
- Trình bày các phương pháp kiểm nghiệm cơ bản để quản lý và đảm bảo chất lượng thuốc
- Vận dụng được các nội dung tổ chức và quản lý y tế, quản lý dược về các qui định của luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác dược để thực hiện các

quy chế, chức trách nhiệm vụ của người cán bộ dược.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Lập và thực hiện tốt kế hoạch dự trữ và cung ứng thuốc.
- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản để bào chế một số dạng thuốc thông thường.
- Nhận biết một số đặc điểm thực vật và hướng dẫn sử dụng một số cây thuốc nam thông thường
- Hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, phối hợp tốt với thầy thuốc trong công tác điều trị, dự phòng và nâng cao sức khỏe cho người bệnh.
- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong dây chuyền sản xuất thuốc.
- Tham gia làm công tác kiểm nghiệm, bảo quản, đảm bảo chất lượng thuốc, hóa chất và y cụ.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và khách hàng để hướng dẫn và tư vấn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.
- Kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm với đồng nghiệp và với các ban ngành, đoàn thể để thực hiện tốt công tác quản lý trạm y tế và truyền thông giáo dục sức khỏe.
- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và thực hành có bằng chứng về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người bệnh
- Tham gia làm tốt công tác quản lý ngành, tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ làm công tác dược.
- Sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành Dược để giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc, phản biện, đánh giá kết quả các thành viên trong nhóm
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc

1.2.3. Thái độ

- Yêu ngành, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tôn trọng, đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Khiêm tốn học hỏi, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Thận trọng, chính xác, trung thực, khách quan, tuân thủ các qui định về vô khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn khi thực hiện các kỹ thuật bào chế, kiểm nghiệm.
- coi trọng kết hợp y - dược học hiện đại với y - dược học cổ truyền.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Người sinh viên sau khi được cấp bằng tốt nghiệp có thể được tuyển dụng làm

việc tại các cơ sở y tế của Nhà nước hoặc cơ sở y tế ngoài công lập theo quy chế tuyển dụng công chức và người lao động, cụ thể là:

+ Có thể làm những công việc chuyên môn về dược tại các Sở Y tế, bệnh viện, các phòng khám khu vực, các trạm y tế, công ty phân phối dược phẩm.

+ Có thể làm tại các Công ty sản xuất kinh doanh dược phẩm, Trung tâm kiểm nghiệm dược- mỹ phẩm.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 16

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 45 tín chỉ; 855 giờ.

- Thời lượng lý thuyết: 462 giờ; Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận: 348 giờ; thời lượng kiểm tra: 45 giờ.

-Tỉ lệ LT-TH/tổng số giờ học: 57,89% - 42,11%.

3. Nội dung chương trình:

STT	Tên môn học	TC	Tổng số giờ	Số giờ								Ghi chú
				Lý thuyết		Thực tập/ Thí nghiệm/ Thảo luận/ Bài tập		Thực hành/ lâm sàng / cộng đồng		Tự học	Số cột kiểm tra	
				TC	Giờ	TC	Giờ	TC	Giờ	Giờ	Giờ	
I	<i>Các môn học cơ sở</i>	17	285	15	210	2	58	0	0	480	17	
1	Kỹ năng giao tiếp - GDSK	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
2	Y học cơ sở	5	75	5	70	0	0	0	0	150	5	
3	Quản lý và tổ chức y tế	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
4	Viết và đọc tên thuốc	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
5	Thực vật dược	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	
6	Hóa phân tích	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
II	<i>Các môn học chuyên môn</i>	25	480	18	252	7	203	0	0	645	25	
7	Dược liệu	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
8	Bào chế 1	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
9	Bào chế 2	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
10	Quản lý dược	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
11	Hóa dược – Dược lý I	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(II)
12	Hóa dược – Dược lý II	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(II)
13	Dược lâm sàng	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)
14	Kiểm nghiệm thuốc	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	(#)

15	Bảo quản thuốc	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
III	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	3	90	0	0	3	87	0	0	45	3	
16	Thực tập tốt nghiệp	3	90	0	0	3	87	0	0	45	3	(#)
Tổng cộng		45	855	33	462	12	348	0	0	1170	45	

Ghi chú:

(!): Các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng

(||): Lớp học thực hành bài tập tại lớp học

(#): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập

Một ĐVHT được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đề án, khóa luận tốt nghiệp.

1 giờ học lý thuyết trên lớp: sinh viên phải tự học 2 giờ

2 giờ học thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường: sinh viên phải tự học 1 giờ

1 ĐVHT tương đương 1 cột kiểm tra

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Áp dụng theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 về quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần.
- Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học, thời gian ôn và thi tốt nghiệp. Thời gian thực học là thời gian sinh viên nghe giảng trên lớp, thời gian thí nghiệm, thảo luận, thực tập. Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, lễ, tết, lao động và dự phòng
- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau :

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành tại trường và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 40 giờ thực tập tại các cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình

+ Một giờ học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận là 60 phút ; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận không quá 8 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

+ Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 giờ/tháng.
6	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.
- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.
- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định.
- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 4 tuần đối với kỳ thi chính và 1 tuần đối với kỳ thi phụ. Thời gian ôn thi phải đảm bảo ít nhất ½ ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập
- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 5 ngày làm việc.
- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học phải được quy định trong chương trình môn học.

4.4. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, thi lại và học lại

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học: người học được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiện sau

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

+ Điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Số lần dự thi kết thúc môn học:

+ Người học được dự thi kết thúc môn học lần thứ nhất ở kỳ thi chính, nếu chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi phụ do trường tổ chức.

+ Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác

- Người học phải thi lại nếu điểm môn học chưa đạt yêu cầu

- Người học phải học lại nếu: không đủ điều kiện dự thi; hoặc đã hết số lần dự thi kết thúc môn học nhưng điểm môn học chưa đạt yêu cầu.

4.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: kế hoạch thi phải được xây dựng và công khai trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là 5 tuần.

Nội dung và thời gian thi tốt nghiệp:

- Thi lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức thi viết hoặc trắc nghiệm với thời gian thi không quá 180 phút;

- Thi thực hành nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một phần hoặc một sản phẩm, dịch vụ, công việc.

Thời gian thi thực hành cho một đề thi không quá 8 giờ/ngày.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết tổng hợp	Viết, trắc nghiệm	Không quá 180 phút.
2	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp của nghề	Không quá 8giờ/ngày

HIỆU TRƯỞNG

